

UBND PHƯỜNG HƯNG ĐẠO
TRƯỜNG THCS ANH DŨNG
Số: 278/QĐ-THCSAD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc
Hưng Đạo, ngày 08 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng
Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo
tại trường THCS Anh Dũng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS ANH DŨNG

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cơ sở dữ liệu ngành giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 5344 /QĐ-SGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng; Theo đề nghị của bà Phó Hiệu trưởng phụ trách cơ sở dữ liệu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo tại trường THCS Anh Dũng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 3. Các tổ chuyên môn, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH (để b/c);
- Ban Chỉ đạo CSDL;
- Lưu: VT.



Lê Thị Thanh Thảo

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành tại trường THCS Anh Dũng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 278/QĐ-THCSAD ngày 08 tháng 10
năm 2025 của Hiệu trưởng trường THCS Anh Dũng)*

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng tại trường THCS Anh Dũng (sau đây gọi là Hệ thống CSDL ngành).

2. Quy chế này áp dụng đối với:

- a) Các tổ chuyên môn, bộ phận trong nhà trường;
- b) Các cá nhân có liên quan đến việc quản lý, cập nhật, khai thác, sử dụng Hệ thống CSDL ngành.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng (gọi tắt là CSDL ngành) là tập hợp dữ liệu số hóa thông tin phục vụ quản lý nhà nước về giáo dục, bao gồm: dữ liệu về trường học, lớp học, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người học, chương trình giáo dục, cơ sở vật chất và các dữ liệu liên quan khác do Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng xây dựng, cập nhật và quản lý.

2. Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng (gọi tắt là Hệ thống CSDL ngành) gồm: hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, phần mềm quản lý và dữ liệu số hóa chuyên ngành, do Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng, quản lý, khai thác và vận hành đồng bộ, thống nhất trên toàn ngành giáo dục thành phố.

Hệ thống CSDL ngành có các chức năng cơ bản: thu thập, lưu trữ, báo cáo, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin số về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên, phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Hệ thống được triển khai và vận hành trên môi trường Internet tại địa chỉ truy cập <https://csdl.haiphong.edu.vn> (hoặc địa chỉ khác do Sở chỉ định bằng văn bản), và cung cấp thông tin theo các nhóm dữ liệu sau: mạng lưới cơ sở giáo dục; lớp học; đội ngũ cán bộ, giáo viên; người học; cơ sở vật chất - thiết bị; tài chính; và các thông tin khác theo quy định hiện hành.

3. Mã định danh trên Hệ thống CSDL ngành là chuỗi ký tự duy nhất được gán cho từng đối tượng quản lý (bao gồm: cơ sở giáo dục, cán bộ, giáo viên, học sinh...) nhằm định vị và nhận dạng thống nhất trong toàn hệ thống.

Mã định danh được cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc được tạo tự động trên phần mềm CSDL ngành. Mã này không trùng với mã định danh cá nhân do Bộ Công an cấp và không có giá trị thay thế căn cước công dân hoặc mã định danh công dân.

Việc sử dụng mã định danh là bắt buộc trong quá trình quản lý, khai thác, đối soát và báo cáo dữ liệu nhằm đảm bảo tính chính xác, không trùng lặp và dễ truy xuất thông tin.

4. Tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành là thông tin định danh do cơ quan có thẩm quyền cấp, gồm tên đăng nhập và mật khẩu, dùng để truy cập, cập nhật, khai thác và sử dụng Hệ thống CSDL ngành theo phạm vi phân quyền.

Có hai loại tài khoản:

a) Tài khoản quản trị: dùng để quản trị toàn bộ hoặc một phần Hệ thống CSDL ngành theo thẩm quyền, bao gồm các chức năng thiết lập, phân quyền, giám sát và điều phối hoạt động trên hệ thống;

b) Tài khoản khai thác: dùng để cập nhật, tra cứu, sử dụng thông tin trên hệ thống trong phạm vi nhiệm vụ được giao.

Mỗi đơn vị thuộc đối tượng áp dụng được cấp một tài khoản quản trị và có thể tạo nhiều tài khoản khai thác khác nhau để phục vụ hoạt động nội bộ. Việc sử dụng tài khoản phải tuân thủ quy định bảo mật, không chia sẻ thông tin đăng nhập cho tổ chức, cá nhân khác khi chưa được phép, và phải thực hiện bàn giao khi có thay đổi nhân sự hoặc vị trí công tác.

5. Báo cáo dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành (gọi tắt là báo cáo CSDL) là việc nhập, tổng hợp và sử dụng dữ liệu số hóa theo định dạng thống nhất được quy định trên hệ thống, phục vụ công tác thống kê, tổng hợp, phân tích, giám sát và điều hành trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Chương II QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG CSDL

Điều 3. Các đặc tính của Cơ sở dữ liệu ngành

1. Tính thống nhất: Dữ liệu được chuẩn hóa định dạng, mã hóa thống nhất toàn ngành, đồng bộ với hệ thống cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan;

2. Tính đầy đủ: Dữ liệu phải bao quát đầy đủ các trường thông tin bắt buộc theo từng đối tượng quản lý; đảm bảo không thiếu sót trong quá trình thu thập, cập nhật.

3. Tính chính xác: Dữ liệu phản ánh đúng thực tế quản lý, được nhập đúng quy trình, có kiểm duyệt, lưu vết thời điểm tạo lập;

4. Tính kịp thời: Dữ liệu phải được cập nhật ngay khi có thay đổi; đảm bảo đáp ứng thời gian báo cáo, thống kê theo quy định của ngành và yêu cầu phát sinh;

5. Tính bảo mật và an toàn thông tin: Dữ liệu trong CSDL ngành phải được bảo vệ theo cấp độ, không để rò rỉ, truy cập trái phép; đảm bảo quyền riêng tư dữ liệu cá nhân và dữ liệu tổ chức theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành

Việc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và đào tạo tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Thống nhất, đầy đủ, chính xác, kịp thời trong khai thác và sử dụng dữ liệu, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo theo quy định của Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Đảm bảo kết nối và chia sẻ dữ liệu liên thông:

a) Hệ thống CSDL bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt, liên tục giữa các cơ sở giáo dục, các đơn vị quản lý giáo dục trên địa bàn thành phố;

b) Đồng thời đáp ứng yêu cầu chia sẻ, tích hợp dữ liệu với các hệ thống CSDL chuyên ngành, CSDL cấp tỉnh, quốc gia, và Hệ thống CSDL ngành do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý.

3. Khai thác đúng thẩm quyền, bảo đảm an ninh dữ liệu

a) Mỗi cá nhân chỉ được truy cập, sử dụng dữ liệu trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được phân công;

b) Chịu trách nhiệm bảo đảm tính chính xác, toàn vẹn, an toàn và bảo mật dữ liệu theo phân cấp quản lý;

c) Nghiêm cấm các hành vi sau:

- Cung cấp, chia sẻ, sao chép hoặc khai thác dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành vì mục đích trục lợi cá nhân, vụ lợi tổ chức hoặc sử dụng trái mục đích;

- Truy cập trái phép, vượt quyền hoặc can thiệp trái phép vào dữ liệu ngoài phạm vi phân quyền;

- Cố ý nhập sai, cố ý làm sai lệch thông tin, cập nhật dữ liệu không đúng thực tế;

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các biện pháp bảo mật dẫn đến lộ lọt, rò rỉ, mất mát, thất thoát dữ liệu;

- Vi phạm các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư và bí mật nhà nước.

Điều 5. Tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành

1. Tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành gồm tên đăng nhập và mật khẩu, do cơ quan có thẩm quyền cấp cho đơn vị hoặc cá nhân để thực hiện việc truy cập, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin theo phân cấp quản lý.

2. Tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành được phân loại như sau:

a) Tài khoản quản trị: được cấp cho người đứng đầu hoặc bộ phận được ủy quyền của cơ quan, đơn vị để thực hiện việc quản lý, thiết lập thông tin đơn vị, phân quyền sử dụng và kiểm soát các hoạt động trên hệ thống theo thẩm quyền được giao.

b) Tài khoản khai thác: được cấp cho cán bộ, giáo viên, nhân viên thuộc đơn vị để thực hiện việc cập nhật, báo cáo, tra cứu và khai thác dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Mỗi đơn vị được cấp một tài khoản quản trị; căn cứ theo nhu cầu, đơn vị có thể đề nghị cấp thêm tài khoản khai thác cho các bộ phận, cá nhân liên quan.

4. Việc sử dụng tài khoản phải tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin. Người được cấp tài khoản có trách nhiệm:

a) Bảo mật tuyệt đối thông tin tài khoản; không chia sẻ tên đăng nhập, mật khẩu cho người không có thẩm quyền;

b) Thực hiện đúng chức năng được phân quyền; chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động cập nhật, khai thác dữ liệu thực hiện qua tài khoản được cấp;

c) Kịp thời báo cáo với người phụ trách hoặc cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện nguy cơ mất an toàn, bị chiếm quyền sử dụng, rò rỉ dữ liệu;

d) Bàn giao lại tài khoản cho đơn vị khi chuyển vị trí công tác, nghỉ chế độ hoặc có thay đổi nhân sự theo quy định.

e) Cập nhật người sử dụng mới theo quy trình bàn giao nội bộ của đơn vị.

Điều 6. Phân cấp quản lý và cấp phát tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý tổng thể Hệ thống CSDL ngành, có trách nhiệm:

a) Quản lý tài khoản quản trị cấp trường;

b) Bàn giao tài khoản quản trị cho các cá nhân thực hiện chức năng quản lý trong nhà trường.

2. Người được Hiệu trưởng ủy quyền (hoặc bộ phận được phân công) có trách nhiệm:

a) Quản lý và sử dụng tài khoản quản trị đã được Hiệu trưởng ủy quyền sử dụng;

b) Cấp và quản lý tài khoản khai thác cho các GV trong nhà trường;

c) Quản lý chặt chẽ việc phân quyền, bảo mật và sử dụng tài khoản trong nội bộ đơn vị;

d) Báo cáo với cấp trên khi có phát sinh nhu cầu cấp thêm, thu hồi hoặc thay đổi thông tin tài khoản.

e) Hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm tra việc sử dụng tài khoản khai thác của các CB, GV theo phân quyền.

3. Cán bộ, giáo viên trong nhà trường có trách nhiệm:

a) Sử dụng tài khoản khai thác được cấp để thực hiện nhiệm vụ theo phân quyền;

- b) Bảo mật và sử dụng tài khoản trong nội bộ đơn vị;
- 4. Việc cấp mới, điều chỉnh, thu hồi tài khoản phải bảo đảm đúng thẩm quyền, có biên bản hoặc đề nghị bằng văn bản; bảo đảm nguyên tắc an toàn, bảo mật và thống nhất hệ thống.
- 5. Trách nhiệm khi xảy ra sự cố về tài khoản
Trường hợp tài khoản bị mất, bị đánh cắp hoặc bị truy cập trái phép, cá nhân được cấp tài khoản phải thông báo kịp thời cho thủ trưởng đơn vị hoặc cấp quản lý trực tiếp để xử lý, đảm bảo an toàn hệ thống.
- 6. Việc rà soát, kiểm soát định kỳ hệ thống tài khoản trên Hệ thống CSDL ngành được thực hiện tối thiểu 6 tháng một lần nhằm phát hiện, xử lý kịp thời các tài khoản không còn sử dụng, sai phạm, hoặc có nguy cơ mất an toàn thông tin.

Điều 7. Trách nhiệm cập nhật và quản lý dữ liệu trên Hệ thống CSDL

- 1. Ban giám hiệu có trách nhiệm:
 - a) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc cập nhật, khai thác và quản lý dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành của đơn vị;
 - b) Cập nhật thông tin ngay khi có sự thay đổi liên quan đến người học, cán bộ, giáo viên, cơ sở vật chất và các thông tin khác theo hướng dẫn;
 - c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp quản lý trực tiếp về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của dữ liệu do cá nhân cập nhật;
 - d) Thực hiện tổng hợp, phân tích, báo cáo dữ liệu và chia sẻ với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định.
 - e) Phối hợp với cơ quan quản lý để kiểm tra, xác minh dữ liệu khi có yêu cầu.
- 2. CB, GV trong nhà trường có trách nhiệm:
 - a) Nhập liệu đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đúng danh mục dữ liệu, biểu mẫu và thời gian quy định;
 - b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ban giám hiệu về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của dữ liệu do cá nhân cập nhật;

Điều 8. Quản lý, bảo mật và an toàn thông tin trên Hệ thống CSDL ngành

- 1. Hệ thống CSDL ngành được bảo đảm an toàn thông tin theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.
- 2. Thông tin trên Hệ thống CSDL ngành là dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của ngành giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng, được bảo vệ theo quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và an toàn thông tin mạng.
- 3. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành phải đúng mục đích, đúng phạm vi được phân quyền; bảo đảm không xâm phạm quyền riêng tư của tổ chức, cá nhân và không làm ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội.
- 4. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm cao nhất về việc bảo đảm an toàn, an ninh và toàn vẹn dữ liệu trong phạm vi được phân cấp quản lý; tổ chức thực hiện cập nhật,

kiểm tra, giám sát để bảo đảm dữ liệu được quản lý thống nhất, chính xác, đầy đủ và kịp thời trên Hệ thống CSDL ngành.

5. Các cá nhân sử dụng Hệ thống CSDL ngành có trách nhiệm:

a) Không chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba khi chưa được phép bằng văn bản của Hiệu trưởng;

b) Tự quản lý tài khoản truy cập; thiết lập và thực hiện các biện pháp bảo mật phù hợp (đổi mật khẩu định kỳ, không lưu trữ công khai, sử dụng thiết bị an toàn...);

c) Chỉ sử dụng Hệ thống CSDL ngành để phục vụ nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra rò rỉ, sai lệch, mất mát dữ liệu hoặc vi phạm quy định về bảo mật;

d) Kịp thời báo cáo cho Hiệu trưởng khi phát hiện hành vi truy cập trái phép, sự cố kỹ thuật hoặc nguy cơ mất an toàn thông tin trong quá trình sử dụng hệ thống.

6. Ban giám hiệu có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp an toàn thông tin; xây dựng phương án sao lưu dữ liệu, khôi phục hệ thống và xử lý rủi ro khi có sự cố xảy ra.

Điều 9. Hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật Hệ thống CSDL ngành

Trong quá trình sử dụng Hệ thống CSDL ngành, khi phát sinh lỗi kỹ thuật, sự cố hệ thống hoặc không thể truy cập, các cá nhân có trách nhiệm:

a) Báo cáo kịp thời về nhà trường để được hỗ trợ xử lý;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến lỗi, sự cố hoặc tình huống phát sinh nhằm phục vụ công tác xác minh, khắc phục và theo dõi nhật ký kỹ thuật hệ thống.

Điều 10. Trích xuất, chia sẻ, tích hợp dữ liệu từ Hệ thống CSDL ngành

1. Việc trích xuất, chia sẻ, tích hợp dữ liệu từ Hệ thống CSDL ngành chỉ được thực hiện nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước, nghiệp vụ chuyên môn, thống kê, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, giám sát, nghiên cứu khoa học và các nhiệm vụ khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt bằng văn bản.

2. Nhà trường chỉ được quyền trích xuất, sử dụng, tổng hợp dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của đơn vị và chỉ phục vụ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ nội bộ. Việc chia sẻ dữ liệu cho bên thứ ba hoặc sử dụng ngoài phạm vi công vụ phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nghiêm cấm các hành vi sau:

a) Trích xuất, chia sẻ dữ liệu vượt thẩm quyền hoặc vì mục đích cá nhân, thương mại;

b) Cung cấp, tiết lộ dữ liệu cho bên thứ ba không có thẩm quyền;

c) Làm sai lệch, bóp méo hoặc sử dụng sai mục đích dữ liệu được trích xuất;

d) Tự ý kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu từ Hệ thống CSDL ngành với hệ thống bên ngoài khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

Điều 11. Báo cáo, khai thác và sử dụng dữ liệu từ Hệ thống CSDL ngành

1. Báo cáo dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành là hình thức báo cáo điện tử có giá trị pháp lý tương đương với báo cáo bằng văn bản giấy; được sử dụng phục vụ công tác thống kê, quản lý nhà nước, kiểm tra và đánh giá các hoạt động giáo dục.

2. Báo cáo CSDL được thực hiện định kỳ hai (02) lần trong năm học hoặc theo yêu cầu đột xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo:

- a) Kỳ đầu năm học: chậm nhất vào ngày 15 tháng 10 hằng năm;
- b) Kỳ giữa năm học: chậm nhất vào ngày 25 tháng 01 hằng năm.
- c) Kỳ cuối năm học: chậm nhất vào ngày 15 tháng 6 hằng năm.

3. Trách nhiệm thực hiện báo cáo:

Cơ sở giáo dục: thực hiện nhập liệu, cập nhật, xác nhận dữ liệu đúng hạn và chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, đầy đủ, trung thực của dữ liệu;

4. Việc khai thác, sử dụng dữ liệu từ Hệ thống CSDL ngành phải bảo đảm:

- a) Đúng mục đích phục vụ công tác quản lý nhà nước;
- b) Đúng thẩm quyền và phạm vi truy cập được phân cấp;
- c) Tuân thủ quy trình phê duyệt, trích xuất và sử dụng dữ liệu do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định;
- d) Không cung cấp, chia sẻ hoặc sử dụng lại dữ liệu cho bên thứ ba khi chưa được phép bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy chế

1. Ban giám hiệu có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện cập nhật, quản lý, khai thác và bảo mật dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành thuộc phạm vi quản lý.

2. Việc kiểm tra, đánh giá được thực hiện định kỳ theo kế hoạch hằng năm hoặc đột xuất theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Kết quả kiểm tra phải được lập thành văn bản và gửi thông báo đến cá nhân được kiểm tra để chấn chỉnh, khắc phục nếu có sai sót.

3. Trường hợp phát hiện dữ liệu không chính xác, có dấu hiệu giả mạo hoặc cập nhật không đầy đủ, Hiệu trưởng có trách nhiệm yêu cầu cá nhân liên quan giải trình, thực hiện khắc phục và báo cáo kết quả xử lý về Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 13. Xử lý vi phạm trong quản lý và sử dụng Hệ thống CSDL ngành

1. Cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ, sẽ bị xử lý theo một hoặc nhiều hình thức sau:

- a) Nhắc nhở, phê bình, yêu cầu rút kinh nghiệm;
- b) Thu hồi quyền truy cập hệ thống, khóa tài khoản hoặc điều chỉnh quyền hạn truy cập;
- c) Xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật về cán bộ, viên chức hoặc theo quy chế nội bộ của cơ quan, đơn vị;

d) Bồi thường thiệt hại nếu gây tổn thất về dữ liệu, tài sản, uy tín cho cơ quan quản lý.

2. Các hành vi vi phạm nghiêm trọng bao gồm:

- a) Làm sai lệch, xóa bỏ, phá hoại dữ liệu trên hệ thống;
- b) Truy cập trái phép, vượt quyền hoặc chia sẻ trái phép dữ liệu cho bên ngoài;
- c) Sử dụng dữ liệu vì mục đích trục lợi, xuyên tạc, gây mất an toàn thông tin hoặc ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Các hành vi này sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật hiện hành về hình sự, hành chính, dân sự và các quy định có liên quan.

3. Hiệu trưởng có trách nhiệm:

- a) Kiểm tra, giám sát và kịp thời phát hiện, xử lý hoặc đề xuất xử lý các vi phạm trong phạm vi quản lý;
- b) Trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo để được xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 14. Sử dụng thông tin trong Hệ thống CSDL ngành

1. Thông tin trong Hệ thống CSDL ngành có giá trị pháp lý và được sử dụng thống nhất trong hoạt động quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

2. Việc truy cập, sử dụng và khai thác thông tin trong Hệ thống CSDL ngành phải thực hiện thông qua tài khoản được cấp, đúng phạm vi phân quyền và theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Thông tin trong Hệ thống CSDL ngành phải được sử dụng đúng mục đích, bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, sở hữu dữ liệu, quyền riêng tư và an toàn thông tin.

4. Nhà trường được quyền truy cập, sử dụng và khai thác dữ liệu thuộc phạm vi được phân cấp; đồng thời có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý kịp thời các phản ánh, khiếu nại liên quan đến dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

5. Trường hợp phát hiện thông tin không chính xác hoặc chưa đầy đủ, tổ chức, cá nhân có thể gửi đề nghị cập nhật, điều chỉnh đến cơ quan quản lý theo phân cấp để xem xét, xử lý theo quy định.

Điều 15. Quy định nội bộ về khai thác và sử dụng Hệ thống CSDL ngành

1. Nhà trường xây dựng quy chế hoặc quy định nội bộ về sử dụng Hệ thống CSDL ngành trong đơn vị; trường hợp chưa có quy chế riêng, nội dung này phải được tích hợp vào quy chế làm việc hoặc quy chế nội bộ hiện hành.

2. Việc ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ phải được thực hiện bằng văn bản và lưu giữ tại đơn vị; nhà trường báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp để theo dõi, kiểm tra theo thẩm quyền.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của nhà trường

1. Thành lập Tổ công tác triển khai Hệ thống CSDL ngành tại đơn vị để thực hiện việc chỉ đạo nội bộ, phân công nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện Quy chế này theo phân cấp; phân công cán bộ phụ trách trực tiếp cập nhật, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống.

2. Thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan đến việc triển khai, vận hành, cập nhật và khai thác Hệ thống CSDL ngành.

3. Chủ động bố trí nhân sự, thiết bị kỹ thuật, tổ chức rà soát, cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn; kịp thời báo cáo và phản ánh các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình sử dụng hệ thống.

4. Ban hành quy chế hoặc quy định nội bộ về sử dụng Hệ thống CSDL ngành trong đơn vị. Trường hợp chưa có quy chế riêng, phải tích hợp nội dung này vào quy chế làm việc hoặc quy chế nội bộ hiện hành; trong đó xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn truy cập, khai thác và cập nhật dữ liệu của từng cá nhân, bộ phận.

5. Thực hiện quản lý và bảo mật tài khoản được cấp; bảo đảm việc truy cập, sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng thẩm quyền; kịp thời phát hiện, báo cáo sự cố, sai sót hoặc hành vi vi phạm liên quan đến hệ thống.

6. Thực hiện rà soát, xác nhận dữ liệu định kỳ và khi có yêu cầu; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và cơ quan quản lý trực tiếp về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của dữ liệu đã cập nhật.

7. Báo cáo tiến độ cập nhật, khai thác và sử dụng hệ thống theo thời gian quy định; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Giáo dục và Đào tạo trong việc kiểm tra, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến dữ liệu và vận hành hệ thống.

Điều 17. Kinh phí bảo đảm cho việc quản lý, vận hành Hệ thống CSDL

1. Kinh phí quản lý, vận hành, bảo trì, mở rộng và nâng cấp Hệ thống CSDL ngành được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước cấp và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Kinh phí triển khai, vận hành, cập nhật dữ liệu và duy trì hoạt động Hệ thống CSDL ngành tại nhà trường được bảo đảm từ ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý hằng năm.

3. Căn cứ điều kiện thực tế và khả năng ngân sách được phân bổ hằng năm, nhà trường xây dựng dự toán và đề xuất bố trí kinh phí hỗ trợ, bồi dưỡng cho cán bộ được giao nhiệm vụ phụ trách, cập nhật, quản lý và khai thác Hệ thống CSDL ngành tại đơn vị.

Điều 18. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và được áp dụng tại trường THCS Anh Dũng từ năm học 2025-2026.



2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.